

Số: ~~1284~~/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Trung tâm Thông tin**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thông tin và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Trung tâm Thông tin là tổ chức chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyên đổi số của Bộ Nội vụ, thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng thống nhất tổ chức triển khai hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số, xây dựng và phát triển Chính phủ số trong Bộ và ngành Nội vụ, phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ và sự chỉ đạo, điều hành của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; tổ chức triển khai xây dựng, quản lý, quản trị, vận hành hạ tầng kỹ thuật, cơ sở dữ liệu và các hệ thống thông tin, nền tảng số của Bộ bảo đảm an ninh, an toàn, thông suốt; tổ chức duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ; Thư viện của Bộ Nội vụ.

2. Trung tâm Thông tin là đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Nội vụ có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

3. Trung tâm Thông tin có trụ sở đặt tại Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, quy định ứng dụng công nghệ thông tin, Chuyển đổi số.

a) Trình Bộ trưởng chiến lược, quy hoạch, chương trình, tổng hợp xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của Bộ, ngành Nội vụ dài hạn, trung hạn và hàng năm.

b) Trình Bộ trưởng ban hành hoặc ban hành theo ủy quyền của Bộ trưởng các quy định, văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, ngành Nội vụ trong việc triển khai thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để áp dụng thống nhất, bao gồm: tiêu chuẩn, mã định danh, định dạng dữ liệu, quy chuẩn kỹ thuật, khung kiến trúc; chế độ bảo mật và an toàn, an ninh thông tin; hướng dẫn chuẩn hóa, chuyển đổi, đồng bộ, tích hợp, liên thông, mã hóa dữ liệu...

c) Thẩm định về kỹ thuật, công nghệ đối với các đề án, dự án, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ theo phân công của Bộ trưởng, theo quy định của pháp luật.

d) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo kế hoạch đã được phê duyệt.

đ) Tổ chức nghiên cứu, phân tích dự báo các vấn đề có liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ yêu cầu quản lý của Bộ.

e) Tổ chức đánh giá, công bố mức độ phát triển Chính phủ điện tử, chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ.

g) Là thường trực Ban Chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử, Chuyển đổi số của Bộ.

2. Chủ trì, tổ chức triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

a) Thực hiện các quy định của Bộ và của các cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với kế hoạch của Bộ, ngành Nội vụ đã được phê duyệt.

b) Tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư, phân bổ các nguồn vốn sử dụng cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với kế hoạch của Bộ, ngành Nội vụ đã được phê duyệt.

c) Tổ chức, hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số được áp dụng trong ngành Nội vụ.

3. Kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an ninh, an toàn thông tin mạng tại Bộ.

4. Xây dựng, quản lý, quản trị, vận hành, phát triển dữ liệu số của các Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

a) Chủ trì về kỹ thuật, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng; quản lý, quản trị, vận hành các Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước (sau khi hoàn thành xây dựng, bàn giao, đưa vào vận hành), cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

b) Tổ chức thu thập, xử lý, xác thực dữ liệu điện tử và cung cấp dữ liệu thông tin chuyên ngành theo quy định của pháp luật và của Bộ.

c) Phối hợp với cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ triển khai việc cung cấp và trao đổi, kết nối, liên thông chia sẻ dữ liệu chuyên ngành của Bộ với các hệ thống thông tin của Chính phủ; cơ sở dữ liệu quốc gia; cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành liên quan.

5. Đầu mối về kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ số của Bộ; theo dõi và tổng hợp tình hình, kết quả xây dựng Chính phủ điện tử, chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, báo cáo Bộ trưởng.

6. Xây dựng, quản lý, duy trì và phát triển hoạt động của Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ.

a) Chủ trì xây dựng, quản lý kỹ thuật, điều hành và duy trì hoạt động của Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ; Cổng thông tin tiếp nhận xử lý kiến nghị của người dân, doanh nghiệp và trả lời kiến nghị cử tri, Cổng dữ liệu của Bộ. Tổ chức kết nối, chia sẻ, tích hợp thông tin, dịch vụ công trực tuyến, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý nhà nước trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ; kết nối, tích hợp với Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số.

b) Chủ trì quản lý, cung cấp thông tin chính thống của Bộ trên môi trường mạng; là đầu mối truy cập thống nhất, tập trung thông tin, kênh thông tin, liên kết, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu trong Bộ và ngành Nội vụ.

c) Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên Cổng thông tin tiếp nhận xử lý kiến nghị của người dân, doanh nghiệp và trả lời kiến nghị cử tri, báo cáo Lãnh đạo Bộ và chuyển đến các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ giải quyết, trả lời theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

d) Phát triển đa dạng nội dung, hình thức hoạt động và các ứng dụng, sản phẩm truyền thông đa phương tiện để nâng cao năng lực thông tin, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tuyên truyền về cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức và các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ. Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức cung cấp thông tin qua mạng xã hội và thiết bị di động theo quy định của pháp luật.

đ) Làm đầu mối, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ cung ứng các dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ.

e) Tổ chức đưa tin, tổng hợp tin về các sự kiện, hoạt động của Bộ, các hoạt động của Lãnh đạo Bộ tại các Bộ, ngành, địa phương.

7. Quản lý, quản trị và phát triển hạ tầng thông tin, hạ tầng số.

a) Xây dựng, triển khai, quản lý, vận hành và hỗ trợ kỹ thuật các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng mạng, hạ tầng điện toán đám mây, Internet vạn vật... đảm bảo thống nhất phục vụ chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ.

b) Xây dựng, quản lý, quản trị, vận hành, phát triển Trung tâm tích hợp dữ liệu của Bộ; hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, hạ tầng số của Bộ.

c) Chủ trì việc cài đặt các phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng trên máy tính của cán bộ, công chức, viên chức các đơn vị, tổ chức thuộc khối cơ quan Bộ.

8. Bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu do Bộ Nội vụ quản lý

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng; triển khai, ứng dụng chứng thư số, chữ ký số trong các hoạt động của Bộ theo quy định của pháp luật.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng tại Bộ theo quy định; tổ chức ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; phối hợp với các cơ quan nghiệp vụ triển khai các phương án bảo vệ, ngăn chặn xung đột các hệ thống thông tin và khắc phục xung đột thông tin trên mạng trong phạm vi quản lý của Bộ.

9. Phối hợp tổ chức tập huấn nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin, Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, hành chính số, an toàn, an ninh mạng... theo phương thức kết hợp truyền thống và trực tuyến (e-Learning) cho cán bộ, công chức, viên chức trong Bộ, ngành Nội vụ.

10. Thực hiện các dịch vụ công.

a) Tư vấn, chuyển giao kỹ thuật, cho thuê dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số chuyên ngành Nội vụ cho các đối tượng sử dụng.

b) Tư vấn, thực hiện các hợp đồng dịch vụ, chuyển giao công nghệ, cho thuê dịch vụ về ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong các lĩnh vực liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ.

c) Thực hiện các dịch vụ công khác theo quy định của pháp luật.

11. Quản lý và duy trì hoạt động Thư viện Bộ Nội vụ.

a) Làm đầu mối quản lý hoạt động thư viện của Bộ.

b) Tham mưu cho Bộ trưởng về kế hoạch phát triển Thư viện Bộ Nội vụ và thư viện các đơn vị trực thuộc Bộ; tổ chức cung cấp thông tin, tư liệu trong các lĩnh vực theo chức năng quản lý nhà nước của Bộ.

c) Tổ chức biên tập các thông tin tư liệu, bản tin về Bộ; tổ chức các sự kiện thông tin, tuyên truyền phục vụ yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ và các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong Bộ.

d) Chủ trì nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong công tác thư viện; xây dựng và phát triển thư viện điện tử, thư viện số.

12. Hợp tác về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

a) Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm trong nước và quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số có liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.

b) Hợp tác quốc tế, hợp tác với các cơ quan, đơn vị, các tổ chức khoa học và công nghệ phát triển ứng dụng công nghệ thông tin và các sản phẩm công nghệ thông tin liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ và ngành.

13. Nghiên cứu phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ và ngành; triển khai áp dụng kết quả nghiên cứu vào việc thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu thực tiễn của Bộ, ngành Nội vụ.

14. Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác thu thập, tổng hợp, lưu trữ, cung cấp số liệu thống kê ngành Nội vụ.

15. Cung cấp thông tin theo quy định của Bộ và của pháp luật

16. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng phân công và của pháp luật chuyên ngành khác.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và chế độ làm việc

1. Cơ cấu tổ chức:

Trung tâm Thông tin có Giám đốc, không quá 02 Phó Giám đốc và các viên chức, người lao động. Giám đốc và các Phó Giám đốc do Bộ trưởng bổ nhiệm, bỏ nhiệm lại, miễn nhiệm, thôi giữ chức vụ theo quy định của pháp luật và của Bộ Nội vụ.

Trung tâm Thông tin có 04 tổ chức trực thuộc (gọi chung là Phòng) gồm:

- a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;
- b) Phòng Quản trị hạ tầng số;
- c) Phòng Quản lý chuyển đổi số và dữ liệu điện tử;
- d) Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và chế độ làm việc của các Phòng do Giám đốc Trung tâm Thông tin quy định. Phòng có Trưởng phòng, 01 Phó

Trưởng phòng, viên chức và người lao động. Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng do Giám đốc Trung tâm Thông tin bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác đến tuổi nghỉ hưu, cách chức, cho thôi giữ chức vụ, điều động theo quy định của pháp luật và của Bộ.

2. Chế độ làm việc

a) Trung tâm thông tin hoạt động theo chế độ chuyên viên kết hợp với chế độ thủ trưởng; Trưởng hợp Lãnh đạo Bộ làm việc trực tiếp với Phó Giám đốc hoặc viên chức thì Phó Giám đốc, viên chức có trách nhiệm thi hành ý kiến của Lãnh đạo Bộ sau đó báo cáo kịp thời với Giám đốc;

b) Giám đốc chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về toàn bộ các hoạt động của Trung tâm Thông tin, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 2 và có các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau:

Tổ chức, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của Trung tâm Thông tin theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ.

Phân công nhiệm vụ, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các Phó Giám đốc và viên chức, người lao động của Trung tâm Thông tin.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, các cơ quan liên quan trong việc giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Thông tin.

Thực hiện công tác thông tin cho viên chức, người lao động của Trung tâm Thông tin theo Quy chế làm việc của Bộ và Quy chế làm việc của Trung tâm Thông tin.

Chịu trách nhiệm các nội dung báo cáo, sơ kết, tổng kết, kiến nghị với Lãnh đạo Bộ về các chủ trương, giải pháp trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Trung tâm Thông tin.

Tổ chức thực hiện các Nội quy, Quy chế của Bộ; quản lý viên chức, người lao động và tài sản được giao theo phân cấp quản lý.

Khi vắng mặt và nếu thấy cần thiết, Giám đốc ủy nhiệm bằng văn bản cho một Phó Giám đốc điều hành công tác, giải quyết công việc của Trung tâm Thông tin.

Giám đốc Trung tâm Thông tin đảm nhận chức danh Giám đốc Công nghệ thông tin (Thủ trưởng đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin), có nhiệm vụ, quyền hạn và chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ theo quy định tại Khoản 2, Điều 47, Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

c) Phó Giám đốc giúp Giám đốc thực hiện nhiệm vụ do Giám đốc phân công; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công;

Khi được Giám đốc ủy nhiệm bằng văn bản để điều hành công tác, giải quyết công việc của Trung tâm Thông tin trong thời gian Giám đốc vắng mặt, Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Bộ trưởng và trước pháp luật về thực

hiện nhiệm vụ trong thời gian được ủy nhiệm, không được ủy nhiệm cho người khác những nội dung được Giám đốc ủy nhiệm;

d) Viên chức, người lao động thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn do Trưởng phòng phân công, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng, trước Giám đốc và trước pháp luật về thực hiện những nhiệm vụ được phân công;

đ) Giám đốc, Phó Giám đốc, viên chức, người lao động trong Trung tâm Thông tin thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Quy chế làm việc của Bộ và Quy chế làm việc của Trung tâm Thông tin.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Bãi bỏ Quyết định số 64/QĐ-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thông tin.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin, Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ và viên chức, người lao động Trung tâm Thông tin chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lãnh đạo Bộ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cổng thông tin điện tử BNV;
- Lưu: VT, TTTT, TCCB

BỘ TRƯỞNG



Phạm Thị Thanh Trà

Nguyễn Văn Vỹ - Tạp chí Tổ chức nhà nước - 17:27 30/12/2022

